

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K T
TỈNH K T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST.

Ngày: 10/8/2021.

“*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy C và bà Lê Thị Ngọc Ph

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố K T, tỉnh Kontum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, tỉnh K T tham gia phiên tòa:* Ông Trần Bá T- Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T, tỉnh K T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST- DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐST- DS ngày 28/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2021/QĐST- DS ngày 19/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội;

Địa chỉ: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc NHCSXH; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chung - Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kontum. “*Có mặt*”.

Địa chỉ: Số 309 Duy Tân, thành phố K T, tỉnh K T.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Lan H. Sinh năm 1975; “*Vắng mặt*”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Hương T, sinh năm 1999; “*Vắng mặt*”

Cùng địa chỉ: Thôn 09, xã Đăk Cẩm, thành phố K T, tỉnh K T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 08/5/2015 giữa chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T với hộ bà Trần Thị Lan H về việc vay vốn hộ cận nghèo. Ngày 21/5/2015, chi

nhánh NHCSXH tỉnh K T đã giải ngân (bằng tiền mặt) cho hộ bà Trần Thị Lan H vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất 0,72 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn 60 tháng, ngày trả cuối cùng 20/5/2020. Cho vay bằng tín chấp (không có bảo đảm bằng tài sản), mã món vay số 6600000704380935.

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 20/6/2015 giữa chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T với hộ bà Trần Thị Lan H thuộc chương trình giải quyết việc làm vay với số tiền 20.000.000 đồng do bà Trần Thị Lan H đứng tên vay vốn, lãi suất 0,55 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/ tháng, thời hạn 36 tháng, ngày trả cuối cùng 20/6/2018. Cho vay bằng tín chấp (không có bảo đảm bằng tài sản), mã món vay số 6600000704655514.

Đối với món vay 50.000.000 đồng, từ ngày 20/6/2015 đến ngày 05/7/2019 hộ bà Trần Thị Lan H đã trả được cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 17.487.982. Đối với món vay 20.000.000 đồng, từ ngày 04/7/2015 đến ngày 05/7/2019 hộ bà Trần Thị Lan H đã được 2.100.000 đồng tiền gốc, 5.261.483 tiền lãi trong hạn, 113.895 đồng tiền lãi quá hạn.

Đối với món vay 50.000.000 đồng, tính đến ngày 10/8/2021 hộ bà Trần Thị Lan H còn nợ Ngân hàng CSXH số tiền gốc là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 22.092.000 đồng, lãi quá hạn 6.723.600 đồng, tổng cộng là 78.815.600 đồng.

Đối với món vay 20.000.000 đồng, tính đến ngày 10/8/2021 hộ bà Trần Thị Lan H còn nợ Ngân hàng CSXH số tiền gốc là 17.900.000 đồng, lãi trong hạn 5.261.483 đồng, lãi quá hạn 113.895 đồng, tổng cộng là 23.275.378 đồng.

Mặc dù Tổ trưởng tổ vay vốn, cán bộ chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh K T đã đôn đốc hộ bà Trần Thị Lan H trả nợ cho Ngân hàng nhiều lần nhưng hộ bà Hương vẫn không trả cho Ngân hàng. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố K T buộc hộ bà Trần Thị Lan H, chị Trần Thị Hương T phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH tổng số tiền của 02 món vay là 102.090.978 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/8/2021 đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Lan H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hương T: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K T đã triệu tập hợp lệ (niêm yết công khai) các văn bản tố tụng theo quy định của [Bộ luật tố tụng Dân sự](#) nhưng bà Hương và chị Thảo đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân thành phố K T đã xác minh được bà Hương và chị Thảo hiện nay có hộ khẩu tại thôn 09, xã Đăk Cấm, thành phố K T nhưng hiện nay sinh sống làm việc ở đâu không rõ, không có mặt tại nơi cư trú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hương và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thảo đã được triệu tập hợp lệ (Niêm yết công khai) nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn bà Trần Thị Lan H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hương T phải trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn bà Trần Thị Lan H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hương T Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho mình và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án và không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHCSXH yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Lan H và chị Trần Thị Hương T phải trả số tiền gốc vay còn nợ của món vay 6600000704380935 là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn 22.092.000 đồng, lãi quá hạn 6.723.600 đồng, và phải trả số tiền gốc của món vay 6600000704655514 là 17.900.000 đồng, lãi trong hạn 5.261.483 đồng, lãi quá hạn 113.895 đồng. Tổng cộng của hai món vay là 102.090.978 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/8/2021 đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn bà Hương và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thảo đến Tòa án làm việc, nhưng bà Hương, chị Thảo không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và bà Hương và chị Thảo phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình.

Xét thấy, việc ký hợp đồng vào ngày 08/5/2015 và ngày 20/6/2015 hộ gia đình bà Hương đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T, bà Hương là người đã đứng tên vay vốn và đồng thời điếm gia hạn trả nợ được sự ủy quyền của chị Thảo, số tiền vay 50.000.000 đồng; mã món vay số 6600000704380935, lãi suất 0,72 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn 60 tháng, ngày trả cuối cùng 20/5/2020. Cho vay bằng tín chấp (không có bảo đảm bằng tài sản). Mục đích sử dụng vốn vay: HTN- Hộ cận nghèo và món vay số 6600000704655514, lãi suất 0,55 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/ tháng, thời hạn 36 tháng, ngày trả cuối cùng 20/6/2018. Cho vay bằng tín chấp (không có bảo đảm bằng tài sản), như vậy việc ký các hợp đồng của bà Hương với ngân hàng là hợp pháp. Việc ngân hàng khởi kiện bà Hương và chị Thảo là có căn cứ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà Hương đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Căn cứ Điều 290, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu nêu trên của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Buộc bị đơn bà Trần Thị Lan H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hương T phải liên đới trả cho NHCSXH số tiền như sau:

- Món vay số 6600000704380935, số tiền gốc vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn lãi trong hạn 22.092.000 đồng, lãi quá hạn 6.723.600 đồng;

- Món vay số 66600000704655514, số tiền gốc vay là 17.900.000 đồng, lãi trong hạn 5.261.483 đồng, lãi quá hạn 113.895 đồng,

Tổng cộng: 102.090.978 đ (*Một trăm linh hai triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*), bà Hương và chị Thảo tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/8/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với chị Trần Thị Hương T, con gái của bà Hương, là thành viên của hộ gia đình chị Hương có giấy ủy quyền để ủy quyền cho bà Hương đứng ra gia hạn vay vốn của Ngân hàng, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005 “*Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình*”. Vì vậy, chị Trần Thị Hương T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Hương trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh K T được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Lan H và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là: 102.090.978 đồng x 5 % = 5.104.549 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106, 107, 280, 290, 471, 474 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 280, 288, 463, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đề ngày 26/02/2021.*

Buộc bà Trần Thị Lan H và chị Trần Thị Hương T phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền, cụ thể như sau:

- Món vay số 6600000704380935, số tiền gốc vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn 22.092.000 đồng, lãi quá hạn 6.723.600 đồng;

- Món vay số 66600000704655514, số tiền gốc vay là 17.900.000 đồng, lãi trong hạn 5.261.483 đồng, lãi quá hạn 113.895 đồng,

Tổng cộng: 102.090.978 đ (*Một trăm linh hai triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*).

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: *“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Lan H và chị Trần Thị Hương T phải liên đới chịu 5.104.549đ (*Năm triệu một trăm linh bốn nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/8/2021) lên Tòa án nhân dân tỉnh K T để xin xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- VKSND tp K T;
- Chi cục THADS tp K T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K T;
- Chi cục THADS thành phố K T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Long

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K T
TỈNH K T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2021/DS-ST.

Ngày: 29/06/2021.

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố K T, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, tỉnh K T tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29/06/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T, tỉnh K T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLST- DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐST- DS ngày 19/05/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2021/QĐST- DS ngày 08/06/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội;

Địa chỉ: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc NHCSXH; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chung - Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh KonTum. "Có mặt".

Địa chỉ: Số 309 Duy Tân, thành phố K T, tỉnh K T.

- Bị đơn: Bà Hà Thị Nhị. Sinh năm 1970 và ông Châu Minh Phong. Sinh năm 1968. "Đều vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đoàn Kết, phường K T, tỉnh K T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Vào ngày 30/11/2017 hộ gia đình bà Hà Thị Nhị đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T, bà Nhị là người đã đứng tên vay vốn được sự ủy quyền của ông Phong, số tiền gốc vay 12.000.000 đồng; mã món vay số 6600000711628416, thời gian cho vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 0,75%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/ tháng và ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 09/12/2022, thỏa thuận lãi trả hàng tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Đào giếng, xây nhà vệ sinh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì hộ bà Nhị, ông Phong đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi theo kỳ hạn. Ngân hàng đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương hối thúc hộ bà Nhị có phương án trả nợ nhưng hộ bà Nhị không trả nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nhị và ông Phong phải trả cho NHCSXH tổng số tiền gốc và tiền lãi trong hạn tính đến 29/6/2021 là 12.300.676 đồng. Trong đó số tiền gốc còn nợ là: 11.235.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng), tiền lãi trong hạn 1.065.767 đồng, yêu cầu bà Nhị và ông Phong tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong nhưng bà Nhị và ông Phong không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nhị và ông Phong cũng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nhị và ông Phong đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong phải trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Hà Thị Nhị và

ông Châu Minh Phong đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHCSXH yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong phải trả số tiền gốc vay còn nợ là 11.235.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 29/6/2021 là 1.065.767 đồng, đồng thời yêu cầu bà Nhị và ông Phong tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn bà Nhị và ông Phong biết thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Nhị và ông Phong không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và bà Nhị và ông Phong phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Xét thấy, việc ký hợp đồng vào ngày Vào ngày 30/11/2017 hộ gia đình bà Hà Thị Nhị đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T, bà Nhị là người đã đứng tên vay vốn được sự ủy quyền của ông phong, số tiền vay 12.000.000 đồng; mã món vay số 6600000711628416, thời gian cho vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 0,75%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/ tháng và ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 09/12/2022, thỏa thuận lãi trả hàng tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Đào giếng, xây nhà vệ sinh, việc ký hợp đồng của bà Nhị với ngân hàng là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà Nhị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu nêu trên của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Buộc bà buộc bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong phải trả cho NHCSXH số tiền là: 12.300.676 đồng (Mười hai triệu, ba trăm ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng). Trong đó, số tiền gốc vay còn nợ là 11.235.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 29/6/2021 là 1.065.767 đồng, bà Nhị và ông Phong tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh K T được chấp nhận nên bị đơn bà Nhị và ông Phong phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là: 12.300.676 đồng x 5 % = 615.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, khoản 1 Điều 466 Bộ

luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đề ngày 26/02/2021.*

- Bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong phải trả cho NHCSXH số tiền là 12.300.676 đồng (*Mười hai triệu, ba trăm ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó, số tiền gốc là 11.235.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/6/2021 là 1.065.676 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải trả thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chậm trả, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/6/2021 cho đến thi trả hết nợ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Hà Thị Nhị và ông Châu Minh Phong phải chịu 615.000 đồng (*Sáu trăm mười lăm nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/06/2021) lên Tòa án nhân dân tỉnh K T để xin xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K T;
- Chi cục THADS thành phố K T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hồng Dung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K T
TỈNH K T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2021/DS-ST.

Ngày: 29/06/2021.

“*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và bà Nguyễn Thị Sương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố K T, tỉnh K T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, tỉnh K T tham gia phiên tòa:* Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29/06/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T, tỉnh K T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST- DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐST- DS ngày 19/05/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2021/QĐST- DS ngày 04/06/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội;

Địa chỉ: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc NHCSXH; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chung - Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh K T. "Có mặt".

Địa chỉ: Số 309 Duy Tân, thành phố K T, tỉnh K T.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tòng, sinh năm 1940;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Công Trứ, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đoàn Kết, thành phố K T, tỉnh K T. "Đều vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Vào ngày 25/01/2008 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh Tòng đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T, bà Tòng là người đã đứng tên vay vốn, anh Lê Công Trứ là người ký tên thừa kế với số tiền vay 15.000.000 đồng; mã món vay số 6000004300007210, thời gian cho vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 0,65%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,845%/ tháng và ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 09/01/2013. Mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò sinh sản. Ngân hàng đã cho hộ bà Tòng vay vốn và anh Trứ cùng ký tên trong sổ vay vốn. Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng đến ngày 09/06/2013, đến hạn trả nợ hộ gia đình bà Tòng không trả nợ, đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất 0,845%/tháng.

Tính đến ngày 26/06/2021 hộ bà Nguyễn Thị Thanh Tòng còn nợ số tiền gốc là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi trong hạn 3.026.523 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.593.400 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 29.619.923 đồng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Tòng và anh Trứ phải có nghĩa vụ trả ngân hàng số tiền là 29.619.923 đồng và phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Công Trứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Tòng và anh Trứ nhưng bà Tòng và anh Trứ không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Tòng và anh Trứ cũng vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tòng và anh Trứ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn bị đơn Nguyễn Thị Thanh Tòng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Công Trứ phải trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Công Trứ đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHCSXH yêu cầu Tòa án buộc bà Tòng và anh Trứ phải có nghĩa vụ trả ngân hàng số tiền là 29.619.923 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 3.026.523 đồng, tiền lãi quá hạn là 11,593.400 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 29.619.923 đồng và buộc bà Tòng và anh Trứ phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn bà Tòng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trứ biết thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Tòng và anh Trứ đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn (anh Trứ đã trực tiếp nhận các thông báo, giấy báo của tòa án) nhưng không đến Tòa án làm việc, bà Tòng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, anh Trứ không đồng ý trả nợ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và bà Tòng, anh Trứ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Xét thấy, việc ký hợp đồng vào ngày 25/01/2008 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh Tòng đã ký hợp đồng vay vốn mã món vay số 6000004300007210, với số tiền vay 15.000.000 đồng, thời gian cho vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 0,65%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,845%/ tháng và ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 09/01/2013. Mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò sinh sản. Khi vay anh Trứ là người trong cùng hộ bà Tòng và cùng ký tên trong sổ vay vốn, việc ký hợp đồng của bà Tòng và anh Trứ với ngân hàng là hợp pháp là hợp pháp. Việc vay vốn với mục đích sử dụng sản xuất của hộ gia đình – chăn nuôi bò sinh sản nên anh Trứ cùng với bà Tòng có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là phù hợp với thực tế sử dụng vốn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng đến ngày 09/06/2013 đến hạn trả nợ hộ gia đình bà Tòng không trả nợ, đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất 0,845%/tháng và yêu cầu bà Tòng, anh Trứ phải trả số tiền gốc và tiền lãi là 29.619.923 đồng, tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ. Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu nêu trên của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà Tòng chủ hộ, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) thuộc diện miễn án phí nhưng bà Tòng không có đơn xin miễn án phí và không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nên không xem xét việc miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy, đơn khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh K T được chấp nhận nên bị đơn bà Tòng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trứ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là: $29.619.923 \text{ đồng} \times 5\% = 1.480.999 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đề ngày 26/02/2021.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và anh Lê Công Trứ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 29.619.923 đồng (*Hai mươi chín triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.026.523 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.593.400 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải trả thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chậm trả, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/6/2021 cho đến thi trả hết nợ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và anh Lê Công Trứ phải chịu 1.481.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/06/2021) lên Tòa án nhân dân tỉnh K T để xin xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K T;
- Chi cục THADS thành phố K T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Hồng Dung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K T
TỈNH K T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/DS-ST.

Ngày: 29/06/2021.

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố K T, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, tỉnh K T tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29/06/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T, tỉnh K T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST- DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐST- DS ngày 19/05/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2021/QĐST- DS ngày 04/06/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội;

Địa chỉ: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc NHCSXH; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chung - Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh KonTum. "Có mặt".

Địa chỉ: Số 309 Duy Tân, thành phố K T, tỉnh K T.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Tòng, sinh năm 1940;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Công Trứ, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đoàn Kết, thành phố K T, tỉnh K T. "Đều vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Vào ngày 25/01/2008 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh Tòng đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T, bà Tòng là người đã đứng tên vay vốn, anh Lê Công Trứ là người ký tên thừa kế với số tiền vay 15.000.000 đồng; mã món vay số 6000004300007210, thời gian cho vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 0,65%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,845%/ tháng và ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 09/01/2013. Mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò sinh sản. Ngân hàng đã cho hộ bà Tòng vay vốn và anh Trứ cùng ký tên trong sổ vay vốn. Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng đến ngày 09/06/2013, đến hạn trả nợ hộ gia đình bà Tòng không trả nợ, đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất 0,845%/tháng.

Tính đến ngày 26/06/2021 hộ bà Nguyễn Thị Thanh Tòng còn nợ số tiền gốc là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi trong hạn 3.026.523 đồng, tiền lãi quá hạn là 11,593.400 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 29.619.923 đồng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Tòng và anh Trứ phải có nghĩa vụ trả ngân hàng số tiền là 29.619.923 đồng và phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Công Trứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Tòng và anh Trứ nhưng bà Tòng và anh Trứ không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Tòng và anh Trứ cũng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tòng và anh Trứ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn bị đơn Nguyễn Thị Thanh Tòng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Công Trứ phải trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Công Trứ đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHCSXH yêu cầu Tòa án buộc bà Tòng và anh Trứ phải có nghĩa vụ trả ngân hàng số tiền là 29.619.923 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 3.026.523 đồng, tiền lãi quá hạn là 11,593.400 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 29.619.923 đồng và buộc bà Tòng và anh Trứ phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn bà Tòng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trứ biết thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Tòng và anh Trứ đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn (anh Trứ đã trực tiếp nhận các thông báo, giấy báo của tòa án) nhưng không đến Tòa án làm việc, bà Tòng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, anh Trứ không đồng ý trả nợ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và bà Tòng, anh Trứ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Xét thấy, việc ký hợp đồng vào ngày 25/01/2008 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh K T với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh Tòng đã ký hợp đồng vay vốn mã món vay số 6000004300007210, với số tiền vay 15.000.000 đồng, thời gian cho vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 0,65%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,845%/ tháng và ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 09/01/2013. Mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò sinh sản. Khi vay anh Trứ là người trong cùng hộ bà Tòng và cùng ký tên trong sổ vay vốn là hợp pháp. Việc vay vốn với mục đích sử dụng sản xuất của hộ gia đình – chăn nuôi bò sinh sản nên anh Trứ cùng với bà Tòng có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là phù hợp với thực tế sử dụng vốn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng đến ngày 09/06/2013 đến hạn trả nợ hộ gia đình bà Tòng không trả nợ, đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất 0,845%/tháng, yêu cầu bà Tòng, anh Trứ phải trả số tiền gốc và tiền lãi là 29.619.923 đồng, tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất

đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/06/2021 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ. Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu nêu trên của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà Tòng chủ hộ, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) thuộc diện miễn án phí nhưng bà Tòng không có đơn xin miễn án phí và không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nên không xem xét việc miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy, đơn khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh K T được chấp nhận nên bị đơn bà Tòng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trứ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là: $29.619.923 \text{ đồng} \times 5\% = 1.480.099 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đề ngày 26/02/2021.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và anh Lê Công Trứ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 29.619.923 đồng (*Hai mươi chín triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.026.523 đồng, tiền lãi quá hạn là 11,593.400 đồng. Phải chịu tiền lãi chậm trả kể từ ngày 30/6/2021 với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tòng và anh Lê Công Trứ phải chịu 1.480.099 đồng (*Một triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, không trăm chín mươi chín đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/06/2021) lên Tòa án nhân dân tỉnh K T để xin xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K T;
- Chi cục THADS thành phố K T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hồng Dung